

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNC
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/HS-ST**
Ngày 03-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNC, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Khánh Toàn;

2. Ông Dương Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyệnC, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyệnC, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyệnC, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 20/10/2020, đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN V, tên gọi khác: (Nguyễn Văn L); Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1986, tại huyện Y, tỉnh V;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh V.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị R;

Bị cáo có vợ là Trần Thị T và 02 con, con lớn 13 tuổi, con nhỏ 11 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Anh Triệu Hữu H, sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B, (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Ma Văn H2, sinh năm 1980, trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh T, (vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1975, trú tại: Xóm L, xã Y, huyện P, tỉnh T, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 15/3/2020, Nguyễn Văn V đi ô tô khách từ huyện N, tỉnh B theo đường tỉnh lộ 256 đến địa phận xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để vào nhà Nguyễn Công Q chơi, nhưng Q không có ở nhà. V đã gọi điện thoại cho Ma Văn Oanh để xin số điện thoại của Q và được biết Q đang ở nhà tại thôn L, xã Y, huyện P, tỉnh T, nên V đã nhờ Q mượn giúp một xe mô tô để V sử dụng đi đến nhà Q chơi. Q đồng ý và gọi điện thoại cho Triệu Hữu H để mượn xe mô tô cho V, được anh H đồng ý, nên Q đã bảo V đến nhà H lấy xe. Khoảng 11 giờ cùng ngày, V đến nhà anh H hỏi mượn xe và được anh H cho mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 20E1-125.41 và đăng ký xe. Sau khi mượn được xe, V điều khiển xe mô tô đi đến cây xăng tại xã B, huyện C, tỉnh B để đổ xăng và phát hiện trong cốp xe có 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bàn Thị H1 (vợ của H) và 01 Giấy mua bán xe của cửa hàng xe máy Thu H2 (do anh Ma Văn H2, trú tại: Xóm Đá Mài, xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên làm chủ). Lúc này, V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, V đã gọi điện thoại liên lạc với anh H2 để trao đổi mua bán chiếc xe trên. Khoảng 15 giờ cùng ngày, V đến cửa hàng xe máy Thu H2, gặp và đưa cho anh H2 Giấy chứng nhận đăng ký xe, Giấy mua bán xe mô tô BKS 20E1-125.41 và nói với H2 là V đã mua lại chiếc xe mô tô trên. H2 tin và cho rằng xe mô tô trên là của V nên đã mua chiếc xe trên với giá 7.300.000đ. Khi bán xe, V không hỏi ý kiến và không được sự đồng ý của chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên là anh Triệu Hữu H. Sau khi bán xe xong, V đã đi xe khách về nhà và sử dụng hết số tiền trên. Ngày 17/3/2020, Nguyễn Công Q đã có đơn trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C về vụ việc trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐG ngày 30/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bắc Kạn xác định: Giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 20E1-125.41 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.600.000đ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và quá trình truy tố, bị cáo Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài liệu, đồ vật tạm giữ trong vụ án gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 20E1-125.41; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 20E1-125.41 mang tên Lê Văn L; 01 Giấy mua bán xe mô tô BKS 20E1-125.41 giữa Ma Văn H2 với Triệu Hữu H3; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bàn Thị H1. Ngày 25/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 14, trả lại cho anh Triệu Hữu H toàn bộ tài sản, giấy tờ trên.

- 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V, ngày 17/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 17, trả lại cho bị

cáo V. 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen, bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0385.363.576 của bị cáo V hiện vẫn đang bị tạm giữ để xử lý theo quy định.

Ngoài ra, còn có 01 USB màu bạc, dung lượng 4GB lưu trữ 44 tệp ghi âm cuộc gọi giữa Nguyễn Công Q và Nguyễn Văn V được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng niêm phong mặt sau, hiện đang được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.

Bản cáo trạng số: 41/CT-VKSCM, ngày 15/10/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 và tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số thuê bao 0385.363.576 của bị cáo. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB màu bạc, dung lượng 4GB lưu trữ 44 tệp ghi âm cuộc gọi giữa Nguyễn Công Q và bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 11 giờ ngày 15/3/2020, tại nhà anh Triệu Hữu H thuộc thôn Bản R, xã Y, huyện C, tỉnh B, Nguyễn Văn V đã mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 20E1-125.41 của H để làm phương tiện đi lại. Sau khi mượn được xe, V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, nên đã tự ý bán chiếc xe cho anh Ma Văn H2 lấy số tiền 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng), sau đó đã dùng hết số tiền này vào mục đích cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho anh H. Tại Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐG ngày 30/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh B xác định: Giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 20E1-125.41 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.600.000đ.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[4] Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo là không phù hợp, không được chấp nhận.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Do

vậy, bị cáo pH chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo đã chủ động tự nguyện bồi thường cho anh Ma Văn H2 số tiền 8.000.000đ, bồi thường cho anh Triệu Hữu H số tiền 2.000.000đ nhằm khắc phục thiệt hại. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là: *“Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”* và *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*. Ngoài ra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo có bác ruột là ông Nguyễn Công D là Liệt sĩ hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Vì vậy, bị cáo còn được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng.

[7] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2015 đã bị Tòa án xử phạt về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ngày 12/5/2016 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đến nay đã được xóa án tích. Lạm dụng tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, điều này cho thấy, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, có khả năng tự cải tạo, giáo dục bản thân. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/3/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết pH cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là đủ, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo tự giáo dục mình trở thành công dân tốt cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo còn có 02 con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã chủ động tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ma Văn H2 số tiền 8.000.000đ, bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đ nhằm khắc phục thiệt hại. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, anh H2 và anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về bồi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[10] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 20E1-125.41; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 20E1-125.41 mang tên Lê Văn L; 01 Giấy mua bán xe mô tô BKS 20E1-125.41 giữa Ma Văn H2 và Triệu Hữu H3; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bàn Thị H1. Ngày 25/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Triệu Hữu H toàn bộ tài sản và giấy tờ trên. Xét thấy, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V, ngày 17/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo. Xét thấy, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu đen, bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0385.363.576 của bị cáo V. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, xác định được đây là chiếc điện thoại và thẻ sim của bị cáo, được bị cáo sử dụng vào việc trao đổi mua bán chiếc xe mô tô BKS 20E1-125.41 nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc xe. Xét thấy, là vật chứng do bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước đối với 01 điện thoại di động Nokia 1202, tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số thuê bao 0385.363.576.

Đối với 01 USB màu bạc, dung lượng 4GB lưu trữ 44 tệp ghi âm cuộc gọi giữa Nguyễn Công Q và bị cáo được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng niêm phong mặt sau. Xét thấy, cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[11] Trong vụ án này, Nguyễn Công Q là người đã hỏi mượn xe mô tô BKS 20E1-125.41 cho bị cáo; Ma Văn H2 là người đã mua chiếc xe mô tô trên của bị cáo, khi mua anh H2 không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có; anh Ma Văn O là người cho bị cáo số điện thoại của anh Q. Tuy nhiên, cả Q, H2 và O đều không được bàn bạc, không tham gia, không biết hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với những người trên, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo PH chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V, tên gọi khác: (Nguyễn Văn Ly) phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V **12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (Hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh V nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 của bị cáo Nguyễn Văn V;

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số thuê bao 0385.363.576 của bị cáo Nguyễn Văn V.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 21/10/2020).

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB màu bạc, dung lượng 4GB lưu trữ 44 tệp ghi âm cuộc gọi giữa Nguyễn Công Q và bị cáo được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng niêm phong mặt sau.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo pH chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyệnC;
- Công an huyệnC;
- Chi cục THADS huyệnC;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang